TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **75**/2025/HNGĐ-ST Ngày 25/4/2025 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vương Thị Lan**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Thảo**

2. Ông **Vương Minh Tân**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Kim Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Bế Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại Trụ Sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Toà án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án về Hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2025/TLST-HNGĐ, ngày 08/01/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Sằm Thị T**, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Thôn 09, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.
- Bị đơn: Ông **Ma Văn T**, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Thôn 09, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai bà Sằm Thị T khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Ma Văn T là vợ chồng, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống và làm ăn ở huyện

N, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng bảo ban nhau làm ăn sinh sống. Năm 2005 vợ chồng di dân xuống sinh sống tại thôn 9, xã K, thành phố T. Từ năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm. Ông T thường xuyên uống rượu chè, về chửi bới vợ con, thường xuyên đuổi đánh bà T. Đã có lần Ông T đánh đuổi bà T phải báo chính quyền địa phương can thiệp hoà giải. Năm 2024 bà T đã nộp đơn ly hôn 1 lần vì Ông T đánh chửi bà T, đốt quần áo của vợ con, nhưng sau đó Ông T có xin lỗi bà T nên bà T rút đơn ly hôn. Sau khi rút đơn ly hôn một thời gian thì lại tiếp tục đánh chửi bà T nên bà T xác định không thể hàn gắn được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống. Bà T đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Ma Văn T theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Bà T và ông Ma Văn T có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày 13/11/1995 và Ma Văn C, sinh ngày 09/3/1998. Hai con chung của bà T và Ông T đã trưởng thành, tự lập nên bà T không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T và ông Ma Văn T xác định tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Bà T và ông Ma Văn T không có vay nợ chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải ông Ma Văn T khai:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà Sằm Thị T là vợ chồng, được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 27/7/2004 tại Uỷ ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn, Ông T và bà T sinh sống và làm ăn ở huyện N, tỉnh Tuyên Quang một thời gian thì chuyển về sinh sống tại xã K, thành phố T. Trong cuộc sống vợ chồng, vợ chồng Ông T có xô sát, cãi chửi nhau, có lần cách đây mấy tháng Ông T đánh bà T 2 cái vào đầu, nguyên nhân do Ông T uống rượu say mới xảy ra mâu thuẫn. Bà T đã đi ở cùng con gái Ma Thị T cách đây 2 tháng. Bà T có đơn xin ly hôn, Ông T không nhất trí. Ông T mong vợ chồng đoàn tụ để vợ chồng quay về với nhau. Đề nghị toà án tiến hành hoà giải để vợ chồng Ông T quay về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày 13/11/1995 và Ma Văn C, sinh ngày 09/3/1998. Hai con chung của Ông T và bà Ma Thị Thao đã trưởng thành, tự lập nên Ông T không yêu cầu toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông T và bà T xác định tự thoả thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông T và bà Ma Thị Thao không có vay nợ chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án, tại phiên hòa giải, trước yêu cầu ly

hôn của bà T, Ông T không nhất trí và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ; Bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Ma Văn T, bà T đã cho Ông T thời gian để vợ chồng hoà giải nhưng qua Tết nguyên đán vừa rồi, Ông T vẫn chửi bới bà T, vẫn uống rượu chè, say rượu, gia đình không được yên ấm. Bà T giữ nguyên ý kiến đề nghị Toà án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Ma Văn T.

Tòa án tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ giữa bà Sằm Thị T và ông Ma Văn T tại nơi cư trú, kết quả xác minh như sau:

- Đại diện thôn 9, xã K, thành phố T cung cấp thông tin: Bà Sằm Thị T và ông Ma Văn T là vợ chồng có đăng ký kết hôn, thường trú tại thôn 9, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên to tiếng, cãi cọ và chửi nhau, năm 2024 bà T thuê nhà ra nơi khác ở, vợ chồng sống ly thân. Bà T và Ông T có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày 13/11/1995 và Ma Văn C, sinh ngày 09/3/1998, các con của ông bà đều trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập. Về tài sản chung, bà T và Ông T có nhà đất chung tại thôn 9, xã K thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Về vay nợ: Bà T và Ông T không vay nợ cá nhân hay tổ chức nào.

Tại phiên tòa:

- Bà T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Ma Văn T, bà T đã cho Ông T thời gian để vợ chồng hoà giải nhưng qua Tết nguyên đán vừa rồi, Ông T vẫn chửi bới bà T, vẫn uống rượu chè, say rượu, gia đình không được yên ấm. Bà T giữ nguyên ý kiến đề nghị Toà án giải quyết cho bà T ly hôn với ông Ma Văn T. Về con chung bà Sằm Thị T xác định các con chung của bà T và Ông T đều trên 18 tuổi và đã tự lập, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tài sản chung bà T và Ông T tự thỏa thuận; Về vay nợ, bà T xác định vợ chồng không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông T khai hiện nay vợ chồng sống ly thân là do bà T tự ý bỏ nhà đi thuê trọ ở, chứ Ông T không đuổi bà T, bản thân có hay uống rượu giao lưu bạn bè, hàng xóm và có lần cũng đánh bà T tuy nhiên Ông T vẫn còn tình cảm với vợ nên muốn vợ về nhà ở, không nhất trí ly hôn. Về con chung, tài sản chung và vay nợ, Ông T xác nhận lời khai của bà T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng, Ông T giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không bổ sung gì thêm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Từ khi thụ lý đơn và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật; Trình tự phiên tòa được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, Đại diện viện kiểm sát

nhân dân thành phố T đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho bà Sầm Thị T ly hôn ông Ma Văn T.

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên nghĩa vụ chịu án phí đối với bà Sầm Thị T và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của đương sự, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Vụ án Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có địa chỉ tại thành phố T. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện và không có ý kiến gì về các tài liệu tòa án công bố tại phiên họp, bị đơn không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 21/7/2004 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi, chửi nhau, năm 2024 thì vợ chồng ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng bà T và Ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ không đạt được. Từ những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sầm Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Ma Văn T.

−Về con chung: Bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T có 02 con chung là Ma Thị T, sinh ngày 13/11/1995 và Ma Văn C, sinh ngày 09/3/1998. Hai con chung của Ông T và bà Ma Thị Thao đều trên 18 tuổi, đã tự lập. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung của bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T.

− Về tài sản chung: Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T, xác định được bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T có tài sản chung là nhà và đất chung tại thôn 9, xã K, thành phố T nhưng bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung.

- Về vay nợ chung: bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết về vay nợ chung.

[3] Về án phí: Bà Sầm Thị T phải chịu án phí của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sầm Thị T đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí của vụ án; Ông Ma Văn T không phải chịu án phí của vụ án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Sầm Thị T ly hôn ông Ma Văn T.

Bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 21/7/2004 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về án phí: Bà Sầm Thị T phải chịu án phí của vụ án là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Sầm Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000352 ngày 10/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T. Ông Ma Văn T không phải chịu án phí của vụ án.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Sầm Thị T và ông Ma Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/4/2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- Chi cục THADS Tuyên Quang;
- UBND xã S, huyện N, Tuyên Quang;
- UBND xã K, thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Thảo – Vương Minh Tân **Vương Thị Lan**